

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16985/BTC-ĐT

V/v thông báo tình hình thanh toán
vốn đầu tư XDCB và vốn TPCP 9
tháng năm 2014 của các Bộ, ngành
Trung ương

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2014

Kính gửi:

- Các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương;
- Các đồng chí Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước.

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 2617/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2014; số 118/QĐ-TTg ngày 16/01/2014, số 185/QĐ-TTg ngày 24/01/2014, số 196/QĐ-TTg ngày 25/01/2014; số 117/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 và số 890/QĐ-TTg ngày 10/6/2014 về việc giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2014.

1. Bộ Tài chính thông báo tình hình thanh toán vốn đầu tư XDCB nguồn ngân sách nhà nước và nguồn trái phiếu Chính phủ 9 tháng năm 2014 của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước đến hết ngày 30/9/2014 (theo biểu đính kèm).

2. Đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương:

- Thực hiện kịp thời, đầy đủ các quy định về quản lý vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ tại các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011; số 27/CT-TTg ngày 10/10/2012; số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013; số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02/01/2014 của Chính phủ; Căn cứ các văn bản hướng dẫn về tạm ứng, thanh toán vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ của Bộ Tài chính để đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản; chỉ đạo các chủ đầu tư khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư của các dự án theo quy định; đẩy nhanh tiến độ đấu thầu, thi công công trình, nghiệm thu khối lượng hoàn thành nhằm thực hiện ngay việc thanh toán vốn cho các dự án; tập trung chỉ đạo trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng, tích cực xử lý các vướng mắc phát sinh nhằm hoàn thành tốt kế hoạch vốn đầu tư Nhà nước giao năm 2014.

- Riêng đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương có tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn dưới 50%, đề nghị các đồng chí Bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, các Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án và nhà thầu trong việc thực hiện

giải ngân vốn thấp và đánh giá những nguyên nhân vướng mắc khó khăn để có giải pháp khắc phục trong Quý 4/2014./. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Vụ NSNN, Vụ I, KBNN;
- Lưu: VT, ĐT. (85)





**THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XDCB VÀ VỐN TPCP 9 THÁNG NĂM 2014
THUỘC CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ**

(Kiểm theo công văn số 16985 /BTC-ĐT ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Bộ, ngành	KHNN giao 2014	Thanh toán hết 30/9/2014	
			Tổng số	%/KH
1	2	3	4	5
I	VỐN TẬP TRUNG:	33.846.330	24.684.572	72,9%
	Vốn trong nước	26.694.330	16.176.993	60,6%
	Vốn ngoài nước	7.152.000	8.507.579	119,0%
1	Bộ Giao thông vận tải	4.686.700	7.021.919	149,8%
	Vốn trong nước	1.719.700	1.304.356	75,8%
	Vốn ngoài nước	2.967.000	5.717.563	192,7%
2	Ban quản lý Làng Văn hoá du lịch các dân tộc Việt Nam	80.000	80.000	100,0%
3	Hội Nhà báo Việt Nam	29.000	26.154	90,2%
4	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	320.000	288.348	90,1%
	Vốn trong nước	240.000	143.937	60,0%
	Vốn ngoài nước	80.000	144.411	180,5%
5	Bộ Công an	4.919.600	4.333.068	88,1%
6	Hội đồng Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam	29.500	24.636	83,5%
7	Bộ Tài chính	299.200	225.003	75,2%
8	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3.469.180	2.500.445	72,1%
	Vốn trong nước	1.769.180	911.230	51,5%
	Vốn ngoài nước	1.700.000	1.589.215	93,5%
9	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	83.000	57.886	69,7%
10	Bộ Quốc phòng	5.222.730	3.586.194	68,7%
	Vốn trong nước	5.152.730	3.586.194	69,6%
	Vốn ngoài nước	70.000	0	0,0%
11	Kiểm toán Nhà nước	82.500	55.378	67,1%
12	Bộ Nội vụ	187.200	125.042	66,8%
13	Văn phòng Quốc hội	122.000	79.029	64,8%
14	Bộ Y tế	805.000	520.356	64,6%
	Vốn trong nước	765.000	423.195	55,3%
	Vốn ngoài nước	40.000	97.161	242,9%
15	Đài Truyền hình Việt Nam	215.500	131.205	60,9%

00448670

STT	Bộ, ngành	KHNN giao 2014	Thanh toán hết 30/9/2014	
			Tổng số	%/KH
1	2	3	4	5
	Vốn trong nước	145.500	75.159	51,7%
	Vốn ngoài nước	70.000	56.046	80,1%
16	Hội Nông dân Việt Nam	284.700	170.547	59,9%
17	Bộ Công thương	295.200	173.852	58,9%
18	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	273.500	156.888	57,4%
	Vốn trong nước	243.500	136.888	56,2%
	Vốn ngoài nước	30.000	20.000	66,7%
19	Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	246.570	135.553	55,0%
20	Bộ Tư pháp	454.500	248.264	54,6%
21	Đường sắt Việt Nam	2.048.500	1.112.953	54,3%
	Vốn trong nước	548.500	238.676	43,5%
	Vốn ngoài nước	1.500.000	874.277	58,3%
22	Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam	25.000	13.290	53,2%
23	Toà án nhân dân tối cao	490.000	256.347	52,3%
24	Liên đoàn bóng đá Việt Nam	12.000	6.081	50,7%
25	Bộ Tài nguyên và Môi trường	673.000	337.021	50,1%
	Vốn trong nước	603.000	335.758	55,7%
	Vốn ngoài nước	70.000	1.263	1,8%
26	Ban quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	140.600	70.308	50,0%
27	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	495.500	240.642	48,6%
28	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	385.500	185.941	48,2%
29	Đài Tiếng nói Việt Nam	237.500	113.269	47,7%
30	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	427.500	202.866	47,5%
31	Bộ Ngoại giao	460.000	215.377	46,8%
32	Thông tấn xã Việt Nam	127.500	59.418	46,6%
33	Bộ Thông tin và Truyền thông	207.700	94.903	45,7%
	Vốn trong nước	177.700	90.834	51,1%
	Vốn ngoài nước	30.000	4.069	13,6%
34	Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam	144.500	66.010	45,7%
35	Bộ Xây dựng	2.037.100	930.552	45,7%
	Vốn trong nước	2.007.100	930.552	46,4%
	Vốn ngoài nước	30.000	0	0,0%
36	Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch	452.650	184.574	40,8%

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Bộ, ngành	KHNN giao 2014	Thanh toán hết 30/9/2014	
			Tổng số	%/KH
1	2	3	4	5
37	Văn phòng Trung ương Đảng	406.400	154.711	38,1%
38	Hội Nhạc sỹ Việt Nam	30.000	11.282	37,6%
39	Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	50.300	17.121	34,0%
40	Học viện chính trị, hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh	71.200	24.224	34,0%
41	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	251.000	78.171	31,1%
42	Bộ Giáo dục và Đào tạo	625.100	175.099	28,0%
	Vốn trong nước	565.100	173.199	30,6%
	Vốn ngoài nước	60.000	1.900	3,2%
43	Đại học Quốc gia Hà Nội	152.000	41.234	27,1%
44	Bộ Khoa học và Công nghệ	280.500	67.660	24,1%
45	Ngân hàng Nhà nước	48.500	11.635	24,0%
46	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam	27.000	5.442	20,2%
47	Hội Cựu chiến binh Việt Nam	43.500	6.472	14,9%
48	Thanh tra Chính phủ	46.000	6.404	13,9%
49	Ngân hàng chính sách xã hội	20.000	1.401	7,0%
50	Ban quản lý Khu công nghệ cao Hoà Lạc	705.500	49.062	7,0%
	Vốn trong nước	205.500	47.388	23,1%
	Vốn ngoài nước	500.000	1.674	0,3%
51	Văn phòng Chính phủ	545.000	5.250	1,0%
52	Hội Nhà văn	8.000	44	0,6%
53	Ủy ban Dân tộc	30.000	41	0,1%
54	Ủy ban Trung ương mặt trận tổ quốc Việt Nam	11.200	0	0,0%
55	Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	20.000	0	0,0%
56	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	5.000	0	0,0%
	Vốn ngoài nước	5.000	0	0,0%
II	VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ:	51.343.211	30.435.665	59,28%
A	Vốn TPCP cho các dự án trong nước	46.534.211	27.611.472	59,34%
1	Bộ Quốc phòng	2.560.000	2.150.761	84,0%
	+ Cấp qua Cục TC	1.860.000	1.860.000	100,0%
	+ Cấp qua KBNN	700.000	290.761	41,5%
2	Bộ Giao thông vận tải	34.539.410	21.635.268	62,6%
3	Bộ Nông nghiệp và PTNN	6.700.200	2.880.983	43,0%

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Bộ, ngành	KHNN giao 2014	Thanh toán hết 30/9/2014	
			Tổng số	%/KH
1	2	3	4	5
4	Bộ Y tế	2.734.601	944.460	34,5%
B	Vốn TPCP bố trí đối ứng các dự án ODA	4.809.000	2.824.193	58,73%
1	Bộ Giao thông vận tải	2.555.200	2.334.660	91,4%
2	Bộ Xây dựng	32.000	21.282	66,5%
3	Đường sắt Việt Nam	318.000	122.390	38,5%
4	Bộ Quốc phòng	20.000	5.696	28,5%
	+ Cấp qua Cục TC	5.000	5.000	0,0%
	+ Cấp qua KBNN	15.000	696	0,0%
5	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	987.000	244.708	24,8%
6	Ban Quản lý khu CNC Hòa Lạc	498.400	79.288	15,9%
7	Viện Hàn lâm KH&CN	162.600	15.084	9,3%
8	Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội	9.000	819	9,1%
9	Bộ Tài nguyên môi trường	23.000	266	1,2%
10	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	1.800		0,0%
11	Bộ Công Thương	2.000		0,0%
12	Bộ Y tế	200.000		0,0%

Ghi chú:

Riêng Bộ Y tế chưa tách phần thanh toán vốn đối ứng ODA TPCP và vốn TPCP trong nước